TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2023/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 27 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đỗ Thị N, sinh năm: 1985;

- Anh Đỗ Văn K, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Thôn N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Văn K thỏa thuận thuận tình ly hôn với lý do vợ chồng chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc.

Xét thấy viêc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được chấp nhận theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

[2] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Đỗ Huy C; sinh ngày 09-09-2012 và Đỗ Như T, sinh ngày 14-4-2019. Các đương sự thỏa thuận giao hai cháu Đỗ Huy C và Đỗ Như T, theo nguyện vọng của con cho chị Đỗ Thị N nuôi dưỡng, anh Đỗ Văn K có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 con/tháng, tổng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/02 con/tháng đóng góp vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 11/2023, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, nếu chậm đóng góp phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm đóng góp. Thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của mẹ và con được Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Về lệ phí: Căn cứ theo Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 và danh mục lệ phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận theo thỏa thuận của các đương sự, chị Đỗ Thị N nhận nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), để nộp ngân sách nhà nước.

[5] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N, anh Đỗ Văn K thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (27/10/2023).

- Về việc nuôi dưỡng con: Giao hai cháu Đỗ Huy C; sinh ngày 09-09-2012 và Đỗ Như T, sinh ngày 14-4-2019, theo nguyện vọng của các cháu cho chị Đỗ Thị N nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn K có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 con/tháng, tổng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/02 con/tháng, đóng góp vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 11/2023, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Nếu chậm đóng góp phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm đóng góp. Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiệp nuôi con theo quy định pháp luật.

2. Về lệ phí: Chị Đỗ Thị N nhận nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, để nộp ngân sách nhà nước. Chị Đỗ Thị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai tạm ứng lệ phí số 0001919 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND h. N;
- THADS huyện N;
- UBND tt. P, h. N;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo